



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
 UNIVERSITY OF ECONOMICS HO CHI MINH CITY
 59C Nguyễn Đình Chiểu, P.6, Q.3, TP. Hồ Chí Minh
 ☎ (+84) 08.38229272 - 38295299
 ☎ (+84) 08.38250359
 🌐 www.uieh.edu.vn
 ✉ info@ueh.edu.vn

QUY ĐỊNH

Mã số: CN.2017.1.1

Đánh giá và cho điểm đối với viên chức
Khoa Ngoại ngữ kinh tế năm 2017
 (Từ ngạch Viên trở lên, gọi chung là giảng viên)
 [5 tiêu chuẩn, 41 tiêu chí]

Họ tên:

Đơn vị: Khoa Ngoại ngữ kinh tế

| Tiêu chuẩn /Tiêu chí | Nội dung | Điểm quy định | Điểm đánh giá | | | | | | | | | |
|-------------------------|---|------------------|--------------------|------------------|--------------------------------|-----|-----|-----------------|-----------------|--|--|--|
| | | | Cá nhân tự chấm | Trưởng bộ môn | Hội đồng ĐGKQTHCV đơn vị | | | | | | | |
| 1 | Hoạt động giảng dạy | 38.0 | | | | | | | | | | |
| 1.1 | Hoàn thành từ 110% định mức giờ chuẩn trực tiếp trên lớp trở lên (không tính các hoạt động chuyên môn quy đổi thành giờ chuẩn) | 10.0 | | | | | | | | | | |
| | Hoàn thành từ 90% đến dưới 110% định mức giờ chuẩn trực tiếp trên lớp (không tính các hoạt động chuyên môn quy đổi thành giờ chuẩn) | 8.0 | | | | | | | | | | |
| | Hoàn thành từ 50% đến dưới 90% định mức giờ chuẩn trực tiếp trên lớp (không tính các hoạt động chuyên môn quy đổi thành giờ chuẩn) | 6.0 | | | | | | | | | | |
| 1.2 | Điểm phản hồi của người học từ 5.9 trở lên | 7.0 | | | | | | | | | | |
| | Điểm phản hồi của người học từ 5.2 đến dưới 5.9 | 5.0 | | | | | | | | | | |
| | Điểm phản hồi của người học từ 4.5 đến dưới 5.2 | 3.0 | | | | | | | | | | |
| 1.3 | Phương pháp sư phạm hiện đại <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"> <tr> <td>0.0</td><td>1.0</td><td>2.0</td><td>3.0</td><td>4.0</td><td>5.0</td><td>6.0</td> </tr> </table> | 0.0 | 1.0 | 2.0 | 3.0 | 4.0 | 5.0 | 6.0 | 6.0 (tối đa) | | | |
| 0.0 | 1.0 | 2.0 | 3.0 | 4.0 | 5.0 | 6.0 | | | | | | |
| 1.4 | Nội dung bài giảng có sử dụng tình huống hoặc ví dụ thực tiễn <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"> <tr> <td>0.0</td><td>1.0</td><td>2.0</td><td>3.0</td><td>4.0</td><td>5.0</td> </tr> </table> | 0.0 | 1.0 | 2.0 | 3.0 | 4.0 | 5.0 | 5.0 (tối đa) | | | | |
| 0.0 | 1.0 | 2.0 | 3.0 | 4.0 | 5.0 | | | | | | | |
| 1.5 | Xây dựng mới đề cương chi tiết môn học (syllabus) đạt yêu cầu | 5.0 | | | | | | | | | | |
| | Chỉnh sửa đề cương chi tiết môn học (syllabus) đạt yêu cầu | 2.0 | | | | | | | | | | |
| 1.6 | Xây dựng mới nội dung bài giảng đạt yêu cầu | 5.0 | | | | | | | | | | |

| Tiêu chuẩn /Tiêu chí | Nội dung | Điểm quy định | Điểm đánh giá | | |
|-------------------------|---|------------------|--------------------|------------------|--------------------------------|
| | | | Cá nhân tự chấm | Trưởng bộ môn | Hội đồng ĐKGQTHCV đơn vị |
| | Chỉnh sửa nội dung bài giảng đạt yêu cầu | 2.0 | | | |
| 2 | Hoạt động khoa học¹ | 38.0 | | | |
| 2.1 | Chủ nhiệm đề tài cấp Nhà nước được nghiệm thu | 15.0 | | | |
| 2.2 | Chủ nhiệm đề tài/đề án cấp Bộ hoặc tương đương được nghiệm thu | 9.0 | | | |
| 2.3 | Chủ nhiệm đề tài cấp Trường hoặc tương đương được nghiệm thu | 7.0 | | | |
| 2.4 | Tham gia đề tài cấp Nhà nước được nghiệm thu | 4.0 | | | |
| 2.5 | Tham gia đề tài/đề án cấp Bộ hoặc tương đương được nghiệm thu | 3.0 | | | |
| 2.6 | Tham gia đề tài cấp Trường hoặc tương đương được nghiệm thu | 2.0 | | | |
| 2.7 | Có bài công bố trên tạp chí quốc tế (ISI) | 18.0 | | | |
| 2.8 | Có bài công bố trên tạp chí quốc tế (Scopus - Q1) | 18.0 | | | |
| 2.9 | Có bài công bố trên tạp chí quốc tế (Scopus - Q2) | 15.0 | | | |
| 2.10 | Có bài công bố trên tạp chí quốc tế (Scopus - Q3, Q4) | 12.0 | | | |
| 2.11 | Có bài công bố trên tạp chí quốc tế (ISSN) | 7.0 | | | |
| 2.12 | Có bài công bố trên tạp chí khoa học trong nước (ISSN) | 4.5 | | | |
| 2.13 | Có bài trong kỷ yếu hội thảo khoa học do nhà xuất bản nước ngoài xuất bản | 6.0 | | | |
| 2.14 | Có bài trong kỷ yếu hội thảo khoa học do nhà xuất bản trong nước xuất bản | 4.5 | | | |
| 2.15 | Chủ biên sách chuyên khảo được xuất bản | 7.5 | | | |
| | Chủ biên sách chuyên khảo được tái bản | 1.0 | | | |
| 2.16 | Chủ biên tài liệu biên dịch được xuất bản | 6.0 | | | |
| | Chủ biên tài liệu biên dịch được tái bản | 1.0 | | | |

¹ Đối với đề tài, bài báo và sách được tính theo số lượng thực tế và tỷ lệ đóng góp; đồng thời, tổng điểm cuối cùng không vượt quá 38.

| Tiêu chuẩn /Tiêu chí | Nội dung | Điểm quy định | Điểm đánh giá | | |
|-------------------------|---|------------------|--------------------|------------------|--------------------------------|
| | | | Cá nhân tự chấm | Trưởng bộ môn | Hội đồng ĐGKQTHCV đơn vị |
| 2.17 | Chủ biên giáo trình/tài liệu giảng dạy được xuất bản | 6.0 | | | |
| | Chủ biên giáo trình/tài liệu giảng dạy được tái bản | 1.0 | | | |
| 2.18 | Chủ biên sách tham khảo được xuất bản | 3.0 | | | |
| | Chủ biên sách tham khảo được tái bản | 1.0 | | | |
| 2.19 | Tham gia biên soạn sách chuyên khảo được xuất bản | 2.5 | | | |
| 2.20 | Tham gia biên dịch tài liệu được xuất bản | 2.0 | | | |
| 2.21 | Tham gia biên soạn giáo trình/tài liệu giảng dạy được xuất bản | 2.0 | | | |
| 2.22 | Tham gia biên soạn sách tham khảo được xuất bản | 1.0 | | | |
| 2.23 | Tham gia xây dựng chương trình đào tạo | 3.0 | | | |
| | Tham gia cải tiến chương trình đào tạo | 1.5 | | | |
| 2.24 | Tham gia hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH các cấp của UEH | 3.0 | | | |
| 2.25 | Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học | 1.5 | | | |
| 3 | Hoạt động chuyên môn | 8.0 | | | |
| 3.1 | Tham gia xây dựng ngân hàng đề thi | 3.0 | | | |
| | Tham gia cập nhật ngân hàng đề thi | 1.5 | | | |
| 3.2 | Có bài tham luận tại seminar cấp khoa/bộ môn | 1.5 | | | |
| 3.3 | Tham gia kiểm tra trình độ tiếng Anh đầu vào/đầu ra cho sinh viên, học viên | 1.5 | | | |
| 3.4 | Chấm thi | 1.0 | | | |
| 3.5 | Tham gia coi thi (từ 10 ca trở lên) | 1.0 | | | |
| 4 | Kiến thức, kỹ năng bổ trợ | 6.0 | | | |
| 4.1 | Trình độ tiếng Anh đáp ứng mức C2 (khung châu Âu - CEFR) | 4.0 | | | |

| Tiêu chuẩn /Tiêu chí | Nội dung | Điểm quy định | Điểm đánh giá | | |
|--------------------------|---|------------------|--------------------|------------------|--------------------------------|
| | | | Cá nhân tự chấm | Trưởng bộ môn | Hội đồng ĐGKQTHCV đơn vị |
| | Trình độ tiếng Anh đáp ứng mức C1 (khung châu Âu - CEFR)/sử dụng thành thạo tiếng Anh ² | 3.5 | | | |
| | Trình độ ngoại ngữ (Pháp, Đức, Nga, Hoa, Nhật) đạt từ chuẩn bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam | 3.0 | | | |
| 4.2 | Hoàn thành ít nhất 1 (một) khóa huấn luyện kỹ năng mềm/bồi dưỡng chuyên môn có chứng chỉ hoặc được UEH công nhận | 2.0 | | | |
| 5 | Hoạt động đoàn thể, cộng đồng³ | 10.0 | | | |
| 5.1 | Tham gia hoạt động của các tổ chức đoàn thể 0.0 1.0 2.0 3.0 | 3.0 (tối đa) | | | |
| 5.2 | Tham gia xây dựng, đóng góp cho đơn vị 0.0 1.0 2.0 3.0 4.0 | 4.0 (tối đa) | | | |
| 5.3 | Tham gia các hoạt động của UEH khi được mời hoặc triệu tập 0.0 1.0 2.0 3.0 | 3.0 (tối đa) | | | |
| Tổng điểm ban đầu | | 100.0 | | | |
| 6 | Điểm cộng⁴ | | | | |
| 6.1 | Được bổ nhiệm chức danh Giáo sư | 10.0 | | | |
| 6.2 | Được bổ nhiệm vào ngạch Chuyên gia cao cấp | 10.0 | | | |
| 6.3 | Được phong tặng Danh hiệu Nhà giáo Nhân dân | 10.0 | | | |
| 6.4 | Được bổ nhiệm chức danh Phó Giáo sư | 7.0 | | | |
| 6.5 | Được bổ nhiệm vào ngạch Giảng viên cao cấp | 7.0 | | | |
| 6.6 | Được phong tặng Danh hiệu Nhà giáo Ưu tú | 7.0 | | | |
| 6.7 | Được bổ nhiệm vào ngạch Giảng viên chính | 4.0 | | | |
| 6.8 | Bảo vệ thành công luận án tiến sĩ | 6.0 | | | |
| 6.9 | Hướng dẫn độc lập NCS bảo vệ thành | 8.0 | | | |

² Sử dụng thành thạo tiếng Anh nghĩa là thỏa mãn 2 điều kiện: (1) đã học và tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài, đã viết và bảo vệ luận văn, luận án bằng tiếng Anh (2) ngày cấp bằng chưa quá 5 năm tính đến thời điểm đánh giá hoặc vẫn thường xuyên sử dụng tiếng Anh trong giảng dạy.

³ Tiêu chuẩn này do Hội đồng ĐGKQTHCV đơn vị đánh giá

⁴ Điểm ghi nhận kết quả đạt được trong năm thực hiện đánh giá

| Tiêu chuẩn /Tiêu chí | Nội dung | Điểm quy định | Điểm đánh giá | | |
|-------------------------|--|------------------|--------------------|------------------|--------------------------------|
| | | | Cá nhân tự chấm | Trưởng bộ môn | Hội đồng ĐGKQTHCV đơn vị |
| | công luận án tiến sĩ | | | | |
| 6.10 | Hướng dẫn chính NCS bảo vệ thành công luận án tiến sĩ | 5.0 | | | |
| 6.11 | Hướng dẫn phụ NCS bảo vệ thành công luận án tiến sĩ | 3.0 | | | |
| 6.12 | Tham gia hội đồng chấm luận án tiến sĩ | 3.0 | | | |
| 6.13 | Tham gia phản biện độc lập luận án tiến sĩ | 2.0 | | | |
| 6.14 | Tham gia hội đồng chấm tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ | 2.0 | | | |
| 6.15 | Hướng dẫn học viên cao học bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ | 3.0 | | | |
| 6.16 | Tham gia hội đồng chấm luận văn thạc sĩ | 2.0 | | | |
| 6.17 | Hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp | 2.0 | | | |
| 6.18 | Tham gia Hội đồng tuyển chọn đề tài NCKH đề tài trợ công bố quốc tế | 1.0 | | | |
| 6.19 | Tham gia Hội đồng tuyển chọn đề tài NCKH cấp Trường | 1.0 | | | |
| 6.20 | Tham gia phản biện cho tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc kỷ yếu hội thảo khoa học các cấp | 1.0 | | | |
| 6.21 | Hướng dẫn/Thực hiện NCKH đạt giải thưởng cấp Bộ | 3.0 | | | |
| 6.22 | Hướng dẫn/Thực hiện NCKH đạt giải thưởng cấp Tỉnh/Thành phố | 2.0 | | | |
| 6.23 | Hướng dẫn/Thực hiện NCKH đạt giải thưởng cấp Trường | 1.0 | | | |
| 6.24 | Tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng của UEH | 2.0 | | | |
| 6.25 | Cố vấn/Giám khảo các cuộc thi học thuật, câu lạc bộ của sinh viên | 1.0 | | | |
| 6.26 | Sử dụng Hệ thống học trực tuyến (LMS) của UEH | 3.0 | | | |
| 6.27 | Hướng dẫn viên chức hoàn thành tập sự | 2.0 | | | |
| 6.28 | Hoàn thành nhiệm vụ cố vấn học tập | 1.0 | | | |

| Tiêu chuẩn /Tiêu chí | Nội dung | Điểm quy định | Điểm đánh giá | | |
|----------------------------|--|------------------|--------------------|------------------|--------------------------------|
| | | | Cá nhân tự chấm | Trưởng bộ môn | Hội đồng ĐKGQTHCV đơn vị |
| 6.29 | Thành viên Ban chấp hành các tổ chức Đảng và đoàn thể | 1.0 | | | |
| 6.30 | Tham gia công tác ISO của UEH | 2.0 | | | |
| 6.31 | Tham gia phục vụ công tác kiểm định (chuẩn AUN) của đơn vị | 3.0 | | | |
| 6.32 | Được các tổ chức, cơ quan ngoài UEH ghi nhận thành tích của cá nhân (có minh chứng cụ thể) | 2.0 | | | |
| 6.33 | Có bài viết trên Bản tin UEH | 0.5 | | | |
| 6.34 | Biên soạn nội dung các lớp huấn luyện tiếng Anh cho đội ngũ UEH | 2.0 | | | |
| 6.35 | Tham gia giảng dạy các lớp huấn luyện tiếng Anh cho đội ngũ UEH | 2.0 | | | |
| 6.36 | Biên dịch nội dung cho Portal UEH - bản tiếng Anh | 2.0 | | | |
| 7 | Điểm trừ⁵ | | | | |
| 7.1 | Một lần tự ý bỏ giảng | 5.0 | | | |
| 7.2 | Một lần tự ý mời người ngoài UEH giảng hộ | 5.0 | | | |
| 7.3 | Một lần bị lãnh đạo đơn vị phê bình về tác phong/thái độ/hiệu suất làm việc | 3.0 | | | |
| 7.4 | Một lần vi phạm quy chế coi thi | 2.0 | | | |
| 7.5 | Mỗi 15 (mười lăm) ngày chậm thanh quyết toán tạm ứng kinh phí | 2.0 | | | |
| 7.6 | Mỗi 5 (năm) ngày nộp điểm trễ | 1.0 | | | |
| 7.7 | Một lần vi phạm giờ giấc giảng dạy | 1.0 | | | |
| 7.8 | Hút thuốc trong khuôn viên UEH | 3.0 | | | |
| Tổng điểm cuối cùng | | | | | |
| Điểm NCKH thực tế | | | | | |
| Chữ ký | | | | | |

Xếp loại

⁵ Số điểm trừ của mỗi tiêu chí = Số lần vi phạm x Số điểm quy định

- ◆ Danh hiệu **Lao động tiên tiến** = [Từ **60 đến dưới 70** điểm];
- ◆ Danh hiệu **Chiến sĩ thi đua cơ sở** = [Từ **70 điểm** trở lên];
- ◆ Danh hiệu **Chiến sĩ thi đua cấp Bộ** = [Từ **75 đến dưới 80** điểm] + [03 năm liên tục đạt Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở tính đến thời điểm đề nghị xét tặng] + [Có sáng kiến được Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp Bộ công nhận hoặc chủ nhiệm đề tài NCKH cấp Bộ hoặc tương đương được nghiệm thu];
- ◆ Hình thức **Bằng khen của Bộ trưởng** = [Từ **75 đến dưới 80** điểm] + [02 năm liên tục đạt Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở tính đến thời điểm đề nghị xét tặng, trong thời gian đó có 02 sáng kiến hoặc tương đương được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở];
- ◆ Hình thức (cao nhất được đề nghị) **Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ** = [Từ **80 đến dưới 85** điểm] + [Bằng khen cấp Bộ hoặc tương đương] + [05 năm tiếp theo liên tục đạt Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở tính đến thời điểm đề nghị xét tặng, trong thời gian đó có 05 sáng kiến hoặc tương đương được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở];
- ◆ Hình thức hoặc danh hiệu (cao nhất được đề nghị) **Huân chương Lao động hạng Ba** = [Từ **85 điểm** trở lên] + [Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ] + [05 năm tiếp theo liên tục đạt Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở tính đến thời điểm đề nghị xét tặng, trong thời gian đó có 02 sáng kiến hoặc tương đương được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp Bộ hoặc tương đương];
- ◆ Hình thức hoặc danh hiệu (cao nhất được đề nghị) **Huân chương Lao động hạng Nhì** = [Từ **85 điểm** trở lên] + [Huân chương Lao động hạng Ba] + [05 năm tiếp theo liên tục đạt Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở tính đến thời điểm đề nghị xét tặng, trong thời gian đó có 03 sáng kiến hoặc tương đương được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp Bộ hoặc tương đương];
- ◆ Hình thức hoặc danh hiệu (cao nhất được đề nghị) **Huân chương Lao động hạng Nhất** = [Từ **85 điểm** trở lên] + [Huân chương Lao động hạng Nhì] + [05 năm tiếp theo liên tục đạt Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở tính đến thời điểm đề nghị xét tặng, trong thời gian đó có 04 sáng kiến hoặc tương đương được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp Bộ hoặc tương đương];
- ◆ Danh hiệu **Chiến sĩ thi đua toàn quốc**⁶ = [Từ **85 điểm** trở lên] + [02 lần liên tục đạt Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ hoặc tương đương, trong thời gian đó có 06 năm liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, được phong tặng sau năm đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ lần thứ hai].

Vinh danh

Những cá nhân có tổng điểm cuối cùng cao nhất sẽ được Hội đồng Thi đua - Khen thưởng UEH bầu chọn để vinh danh **Giảng viên của năm**; được trao chứng nhận, cúp và tiền mặt; được đưa tin trên Portal, Bản tin Đại học Kinh tế và lưu danh tại phòng truyền thống UEH.

Ngoài ra, UEH sẽ có giải thưởng **Nghiên cứu khoa học xuất sắc của năm** dành cho những cá nhân có điểm Nghiên cứu khoa học thực tế cao nhất./-

⁶Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được phong tặng sau năm đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ hoặc tương đương lần thứ 2

Cách thức quy đổi để đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo Nghị định 56/2015/NĐ-CP:

- ◆ Không hoàn thành nhiệm vụ = [Dưới **50** điểm];
- ◆ Hoàn thành nhiệm vụ = [Từ **50 đến dưới 60** điểm];
- ◆ Hoàn thành tốt nhiệm vụ = [Từ **60 đến dưới 70** điểm];
- ◆ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ = [Từ **70 đến 100** điểm].